

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thái

Ông Võ Văn Thỏ

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2023/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần N, sinh năm 1998 (Có mặt)

Địa chỉ: số nhà ,, ấp H, xã TT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Phạm L, sinh năm 1997 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường B, thị xã N tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 29/3/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần N trình bày:

Vào năm 2018 bà và ông Phạm L được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới với nhau. Đến ngày 09/4/2018 vợ chồng bà có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Thời gian đầu sau khi cưới chưa có con thì hai vợ chồng cùng nhau đi Bình Dương làm, sống hạnh phúc, đến khi có con chung là cháu Phạm H, sinh ngày 01/7/2020 thì sau khi sanh con được khoảng 05-06 tháng thì bà trở lên Bình Dương làm được một hai tháng rồi nghỉ việc, bà quay về Đồng Tháp là quê của bà sống và buôn bán, thường xuyên ở đây, ông L vẫn đi Bình Dương làm,

rồi hai vợ chồng có nhiều vấn đề xảy ra. Trong cuộc sống hôn nhân thì ông L có mối quan hệ tình cảm với người khác nhưng do bà bỏ qua nên bà không có bằng chứng gì để chứng minh, còn việc ông L nói bà có mối quan hệ tình cảm với người khác là không có, ông L ghen tuông vô cớ, giữa bà và ông L không còn tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cự cãi nên khoảng giữa tháng 3 năm 2023 thì hai vợ chồng bà đã ly thân với nhau đến nay. Bà nhận thấy vợ chồng sống chung với nhau không còn hạnh phúc nữa, cũng nhiều lần ông L muốn hàn gắn, hòa giải với bà, cha mẹ chồng cũng khuyên can nhưng bà nhận thấy sống với ông L không còn hạnh phúc nên bà giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Phạm L.

Giữa bà và ông Phạm L có một con chung là cháu Phạm H, sinh ngày 01/7/2020 hiện nay cháu H đang sống chung với ông L và ông bà nội. Từ nhỏ đến nay thì cháu H được ông bà nội nuôi dưỡng do hai vợ chồng bà phải đi làm thuê kiếm tiền nuôi cháu. Sau khi bà về Đồng Tháp sống, bà bận buôn bán không có thời gian giữ con nên vẫn gửi cháu H cho ông bà nội chăm sóc, trông giữ. Ông L thì đi Bình Dương làm, bà thì buôn bán ở Đồng Tháp, khoảng một tháng thì bà về bên chồng thăm con, ẵm con về Đồng Tháp chơi với bà được 01 đến 02 tuần thì vẫn đem cháu H về cho ông bà nội nuôi dưỡng do mẹ chồng của bà chỉ mới có một đứa cháu nội, rất thương cháu, nói là xa cháu nhớ nên bà vẫn để cho ông bà nội nuôi dưỡng. Nhưng từ sau tết nguyên đán năm nay thì bà có đem cháu H về sống với bà được khoảng ba tháng, bà có cho cháu H đi học nhưng ông L muốn lên hòa giải với bà, bà không chịu thì ông L ẵm con về nhà đến nay, bà đến thăm thì cháu con không cho bà thăm nhưng bà cũng không có báo chính quyền địa phương vì bà nghĩ ra tòa ly hôn đợi Tòa án quyết định rồi bà mới vào rước con về. Khi cháu H sống với ông bà nội của cháu thì bà cũng mua sữa gửi về cho cháu H uống; hiện nay bà bán trà sữa, đồ ăn vặt một tháng thu nhập tầm khoảng 17-18 triệu đồng, đủ khả năng để nuôi cháu H. Bà biết cháu H ở với ông bà nội của cháu thì vẫn được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nhưng bà là mẹ thì bà muốn được nuôi con, bà không đồng ý giao con cho ông L nuôi dưỡng. Lý do mà bà không đồng ý giao con là do ông L quá trình ly thân, nuôi con đã làm ảnh hưởng tâm lý cháu H, cụ thể ông L đã ẵm con đem con ra cầu Ngã Năm rồi chụp hình, nhắn tin với bà nói là đang ở cầu Cần Thơ, định nhảy cầu tự tử, sau đó cha mẹ chồng tìm gặp đi về. Khoảng thời gian từ khi bà nộp đơn ra tòa án đến nay bà không có vào thăm con là do sợ khi vào dành con ảnh hưởng tâm lý của bé H, đợi đến khi Tòa án giải quyết xong thì bà mới vào nhà nói chuyện. Nếu Tòa án giao con cho bà thì việc thăm nom cháu H thì bà không có ngăn cản, nhưng khi ẵm cháu H về nhà nội chơi thì phải có bà đi theo. Bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Còn về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn thì bà không yêu cầu.

2/ Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Phạm L trình bày:

Ông thống nhất về thời gian cưới, kết hôn. Hai vợ chồng ông đã ly thân với nhau từ giữa tháng 3/2023 đến nay nhưng ông nhận thấy vợ chồng không có

mâu thuẫn gì lớn, ông hiện nay vẫn chưa muốn ly hôn, muốn vợ suy nghĩ lại để cùng nhau nuôi con, vì không muốn sau này con không có cha hoặc không có mẹ, còn vợ ông nhất định ly hôn thì làm gì làm, đi đâu thì đi còn con của ông là cháu H hiện nay vẫn do ông và ông bà nội của cháu nuôi dưỡng, phát triển tốt, cháu H sống với ông và gia đình bên nội từ nhỏ đến nay nên ông không đồng ý giao cháu H cho vợ ông nuôi, ông yêu cầu được nuôi con không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Ông vẫn dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho bà N, không có ngăn cản, cũng không có dấu cháu H không cho bà N thăm nom, nếu bà N nhớ con thì đem con về chơi một hai tuần rồi trả về. Hiện nay ông đang đi làm thuê cho công ty cổ phần xây dựng G ở Bình Dương, thu nhập một tháng từ 17 triệu đến 18 triệu đồng ngoài ra ông còn tài khoản gửi tiết kiệm tại ngân hàng S số tiền 50.000.000 đồng, về khả năng tài chính thì ông đủ điều kiện để nuôi con. Quá trình sống chung thì bà N cũng có mối quan hệ tình cảm với người khác nhưng ông bỏ qua, còn về việc bà N nói ông có tình cảm với người khác là không có. Bà N nói ông ảm con đi nhảy cầu cũng không có, ông chụp hình gửi bà N nói nhảy cầu mục đích là muốn vợ quay về hàn gắn tình cảm gia đình, chỉ chở con đi chơi lòng vòng. Tại phiên tòa ông L cho rằng nếu bà N nhất định ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Còn về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn thì ông không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm L và bà Trần N được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và đến ngày 09/4/2018 ông L và bà N là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống vợ chồng của ông L và bà N, theo bà N cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông L có mối quan hệ tình cảm với người khác, ông L ghen tuông vô cớ, giữa bà và ông L không còn tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông L và bà đã ly thân nhau từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay, tình cảm vợ chồng đã không còn thể tiếp tục nữa nên tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông L. Còn ông L cho rằng vợ chồng đúng là hiện nay đang ly thân nhưng không có mâu thuẫn lớn, ông còn thương vợ con, không muốn con ông không có cha hoặc không có mẹ nên ông chưa muốn ly hôn, muốn được hàn gắn lại với bà N để cùng nhau nuôi dạy con tuy nhiên đến cuối phần tranh tụng tại phiên tòa ông L cho rằng nếu bà N nhất định ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương nhau, chung thủy, quan tâm, chăm sóc nhau, giúp đỡ nhau và tôn trọng lẫn nhau và nền tảng của cuộc sống hôn nhân hạnh phúc là việc vợ chồng tin

tương nhau, thương yêu nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông L và bà N đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, không còn sự tin tưởng nhau thể hiện ông bà đã nghi ngờ nhau người này có tình cảm với người khác không còn chung thủy với mình; ông L muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải cũng như tại phiên tòa động viên các bên hàn gắn lại với nhau nhưng bà N nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn, sau khi tranh tụng thì ông L cũng đồng ý ly hôn nên tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, cho bà N được ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: Ông Phạm L và bà Trần N có một con chung là cháu Phạm H, sinh ngày 01/7/2020, hiện nay cháu H đang sống chung với ông L và ông bà nội của cháu H. Ông L và bà N đều có yêu cầu nuôi con, đây đều là yêu cầu chính đáng của cha mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

[3.1] Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Ông L và bà N không thể tự thỏa thuận giao cháu H cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu H để giao cháu Hà cho ông L hoặc bà N nuôi dưỡng.

[3.2] Hiện nay cháu H vừa hơn 03 tuổi nên chưa đủ tuổi để xem xét nguyện vọng của cháu H. Hội đồng xét xử nhận thấy khi cha mẹ ly hôn với nhau là đã tạo nên tâm lý cho trẻ con phải sống xa cha hoặc xa mẹ, thiếu tình thương của một bên cha hoặc mẹ, không còn đầy đủ tình thương yêu của một gia đình vừa có cha và có mẹ. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa thì các đương sự đều thừa nhận cháu H đã sống chung với ông bà nội của cháu từ nhỏ đến nay, vẫn được ông bà nội chăm sóc thương yêu hết mực, nuôi dạy cháu phát triển tốt. Khi bà N không đi làm trên công ty ở Bình Dương trở về Đồng Tháp quê nhà sinh sống thì bà N bận buôn bán trà sữa không có thời gian để chăm sóc con nên vẫn tiếp tục gửi cháu H cho ông bà nội của cháu nuôi dưỡng, công việc hiện nay của bà N vẫn buôn bán trà sữa như từ trước đến nay chứng tỏ bà N như không có đủ thời gian để chăm sóc cháu H; ông L và bà N hiện nay đều cho rằng ai cũng có điều kiện nuôi con, không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra về vấn đề kinh tế; bà N vẫn biết việc thi hành án về việc bắt giao con cho một bên cha mẹ con lại nếu Tòa án giao cháu H cho bà N là ảnh hưởng tâm lý của cháu H nhưng vẫn mong muốn được nuôi con. Từ nhỏ đến nay cũng như từ khi ông L và bà N ly thân với nhau thì cháu H đã quen môi trường sống với cha và ông bà nội của cháu, không có mẹ bên cạnh. Từ những phân tích vừa nêu thì Hội đồng xét xử nhận thấy không nên thay đổi môi trường sống của cháu H, để đảm bảo tâm lý của cháu H được ổn định cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho ông Phạm L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Từ đó chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông L, không

chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà N. Bà N được quyền và có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: ông L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Trần N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009253 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Ông Phạm L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần N được ly hôn với ông Phạm L.

2/ Về con chung: Giao cháu Phạm H, sinh ngày 01/7/2020 cho ông Phạm L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Bà Trần N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Bà Trần N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009253 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Ông Phạm L không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND Phường B, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng